

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – ĐÀ NẴNG

Số: 272/2026/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐÀ NẴNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Linh Phương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Bá Dương** và ông **Huỳnh Bá Tiến**

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào hồ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 444/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Như M**, sinh năm: 1992. Địa chỉ: **Tổ B, phường A, thành phố Đà Nẵng**.

- Bị đơn: Ông **Đỗ Văn Cu N**, sinh năm: 1986. Địa chỉ: **Tổ B, phường A, thành phố Đà Nẵng**.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Phan Thị Như M** và ông **Đỗ Văn Cu N** thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 132/2012 ngày 03 tháng 12 năm 2012 do **UBND phường A, quận S, TP Đà Nẵng** cấp không còn giá trị pháp lý.

2.2. Về quan hệ con chung: Bà **Phan Thị Như M** và ông **Đỗ Văn Cu N** xác định vợ chồng có 03 con chung là: **Đỗ Phan Trọng Nguyên** – sinh năm 2015; **Đỗ Phan Trọng N1** – sinh năm 2018; **Đỗ Ngọc D** – sinh năm 2023. Khi ly hôn bà **M** và ông **N** thống nhất giao 03 con chung cho bà **Phan Thị Như M** trực tiếp nuôi dưỡng và ông **N** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/3 con chung cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng được tính bắt đầu từ tháng 6 năm 2026 đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Bà Phan Thị Như M và ông Đỗ Văn Cu N xác định vợ chồng không có tài sản chung.

2.4. Về nợ chung: Bà Phan Thị Như M và ông Đỗ Văn Cu N xác định không có.

2.5. Về án phí: Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng bà Phan Thị Như M phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007157 ngày 16.12.2025 tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Đà Nẵng, bà M đã nộp đủ án phí theo quy định của pháp luật. Án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng ông Đỗ Văn Cu N phải chịu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Linh P

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV2-ĐN;
- Thi hành án DS TP ĐN;
- Phòng THADS KV2-ĐN;
- UBND phường An Hải, thành phố Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Linh Phương